

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về chủ trương đầu tư**

**Dự án: Xây dựng Nhà máy sấy lúa cho Hợp tác xã Nông nghiệp Phước Hưng**  
**Địa điểm xây dựng: xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/06/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND huyện Tuy Phước về quy định mức vốn dự án đầu tư công nhóm C HĐND huyện giao UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư;*

*Căn cứ Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của UBND huyện Tuy Phước quy định mức hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể Hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện;*

*Căn cứ Văn bản số 1194/UBND-TC ngày 29/7/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư công trình: Xây dựng Nhà máy sấy lúa cho Hợp tác xã Nông nghiệp Phước Hưng;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch UBND xã Phước Hưng tại Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 17/01/2023 và của Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Báo cáo số 14/BC-PTCKH ngày 10/01/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng Nhà máy sấy lúa cho Hợp tác xã Nông nghiệp Phước Hưng do UBND xã Phước Hưng làm Chủ đầu tư, với các nội dung như sau:

**1. Mục tiêu đầu tư:** Nhằm hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng để tổ chức tốt hơn nữa các dịch vụ phục vụ nông dân trong vùng và khu vực lân cận, nhất là dịch vụ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, nhằm đảm bảo tính bền vững vừa đáp ứng nhu cầu dịch vụ đầu vào và năng suất lúa gạo nói riêng và sản xuất nông nghiệp nói chung, góp phần nâng cao giá trị hàng hóa nông sản và giảm tổn thất sau thu hoạch; qua đó đổi mới, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của HTX và mang lại thu nhập cao cho thành viên hợp tác xã.

**2. Quy mô đầu tư dự án:**

## **2.1. Phần xây dựng:**

### **2.1.1. Bể sậy**

- Móng trụ đơn BTCT đá 1x2 M250.
- Dầm, giằng, trụ BTCT đá 1x2 M250.
- Nền bể sậy đổ bê tông đá 1x2 M250.
- Tường xây gạch không nung 6 lỗ cốt liệu xi măng VXM M75, dày 200.
- Trát toàn bộ công trình VXM M75. Tường quét nước xi măng 2 nước.
- Lắp đặt dàn sắt đỡ sàn bằng thép hộp.

### **2.1.2. Nhà xưởng**

- Diện tích xây dựng 783,5m<sup>2</sup>. Diện tích bê tông nền 256m<sup>2</sup>.
- Móng trụ BTCT mác 250 đá 1x2, móng tường xây đá chẻ VXM mác 75 dày 420mm.
- Trụ BTCT mác 250 đá 1x2, KT trụ 300x300mm.
- Tường bên phía Tây và Tường mặt sau phía Bắc giáp với ruộng xây gạch 06 lỗ VXM Mác 75, dày 200, cao 2,0m trên ốp tole lạnh khung sườn thép hộp dày 1.4mm.
- Mái nhà lợp tole kẽm dày 5zem, kết cấu mái nhà vì kèo dùng thép hình V63x63x6; xà gồ thép C150x50x15x2.5mm, giằng chống bão bằng thép V50x50x5, giằng xà gồ thép tròn trơn mạ kẽm phi 14.
- Khung dựng ốp tole nhà kho dùng thép hộp mạ kẽm 40x80x1.4 mm; Trụ liên kết xà ngang bằng thép C150x50x15x2mm.
- Hệ thống thoát nước mái nhà kho bằng máng tole KT: 300x400 mm; thoát nước mái bằng hệ thống ống nhựa PVC P90 và thoát xuống đất về hệ thống thoát nước chung.
- Nền nhà xưởng đổ bê tông đá 2x4 M250 dày 12cm, phía dưới lót bạt nhựa. Bê tông lõi xe vào dày 18cm, đá 2x4 M250.

### **2.1.3. Xây dựng mới Mái che kết nối các khu**

- Đào móng chân trụ, ván khuôn, đổ bê tông móng chân trụ mác 250 đá 1x2, PCB40.
- Gia công lắp dựng mới hệ vì kèo 30x60x2.0mm, xà gồ 30x60x2.0, chân trụ D76mm, lợp tole mái che sóng vuông mạ kẽm dày 5zem. Chiều cao mái 3.5m.
- Gia công lắp dựng lan can thép hộp 30x60x2.0mm, tổng diện tích 94,69m<sup>2</sup>.
- Toàn bộ kết cấu thép đều sơn 3 nước chống gỉ.
- Lắp đặt hệ thống thiết bị chiếu sáng mái che mưa, mái che nhà xe.

### **2.1.4. Bê tông Sân nền**

- Đắp đá bụi san nền diện tích 244,5m<sup>2</sup>.

- San đầm đá bụi bằng máy lu 16T.
- Bê tông sân nền mác 250 đá 1x2 PCB40 tổng diện tích  $S = 719,22m^2$ .
- Cắt khe nền bê tông.

## **2.2. Phần thiết bị:**

### *2.2.1. Bộ thiết bị quạt sấy cho máy sấy lúa diện tích $80m^2$*

- Quạt  $\phi 1000mm$  (02 quạt), 2 tầng cánh, sơn 2 lớp (C71 chống gỉ + xanh ngọc). Bộ cánh động tole dày 4mm, cánh tĩnh tole dày 2mm.
- Cốt thép  $\phi 60$ , bạc đạn SKF  $\phi 50$ .
- Niềng nối quạt vào bể chứa.
- Đồng hồ báo nhiệt độ sấy.
- Bộ pully quạt rãnh B, cuaro quạt.

### *2.2.2. Khung sàn sấy và lưới sàn sấy diện tích $80m^2$ ( $D \times R = 10m \times 8m$ )*

- Trụ sàn dùng thép hộp kẽm 50x100x1.4 Hoa Sen, khoảng cách trụ 1100mm.
- Đà sàn dùng thép hộp kẽm 50x100x1.4 Hoa Sen, khoảng cách đà 1100mm.
- Mè sàn dùng thép hộp kẽm 20x40x1.2 Hoa Sen, khoảng cách mè 120mm.
- Lưới sàn sấy dùng lưới kẽm dày 0.8mm đột lỗ tròn  $\phi 2.5mm$ .
- Công thợ thi công sàn sấy bản lưới.

### *2.2.3. Thiết bị chạy quạt sấy*

- Motor công suất 30Hp 3 pha 380v mới.
- Tủ khởi động 2 cấp, dây 3 pha 10m.
- Bộ pully, cuaro, chân nền motor.

### *2.2.4. Lò đốt trấu tự động nhiệt sạch cấp nhiệt cho 2 máy sấy lúa $S = 80m^2$*

- Buồng đốt kích thước  $\phi 1400 \times 3700$  sử dụng thép CT3 sơn chịu nhiệt. Thân buồng đốt sử dụng thép tấm dày 4mm, tầng trao đổi nhiệt sử dụng thép dày 2mm.
- Hệ thống trao đổi nhiệt 2 tầng hiệu suất cao.
- Quạt hút khói chịu nhiệt công suất 5 Hp, ống khói cao 8m.
- Ghi đốt tròn sử dụng thép tấm dày 8mm, cánh xả tro sử dụng thép gai  $\phi 24$ , Motor xả tro tự động công suất 0.5Hp giảm tốc 1/120.
- Buồng đốt được thiết kế để cung cấp nhiệt cho 2 bể sấy  $80m^2$  ( $D \times R = 10m \times 8m$ ) x 2 bể.
- Công suất nhiệt buồng đốt tối đa 450kwh, cung cấp nhiệt độ sấy  $40^\circ C \div 45^\circ C$  khi chạy 2 bể sấy, cấp nhiệt  $40^\circ C \div 55^\circ C$  khi chạy 1 bể sấy.
- Khung bao gió và van chia nhiệt cho 2 bể sấy.
- Thùng trấu có sức chứa 3000kg trấu tương đương  $17m^3$ .

- Vít tải trâu từ thùng trâu ra ngoài  $\varnothing 140 \times 1000\text{mm}$ . Motor vít trâu sử dụng motor giảm tốc 1Hp 1/60.

- Quạt thổi trâu cao áp công suất 550w.

- Bộ biến tần điều chỉnh tốc độ motor xả trâu từ đó điều chỉnh nhiệt độ sấy.

#### 2.2.5. Gàu tải trâu lên thùng trâu lò đốt

- Gàu tải chiều cao tổng 6m, âm nền 0,8m, cao so với nền 5,2m.

- Công suất tải 2000 kg trâu/giờ.

- Motor công suất 2Hp 3 pha.

#### 2.2.6. Băng tải nhập lúa tươi dài 20m

- Công suất 25 - 30 tấn/giờ.

- Khung thép xà gồ thép đen C(250x65x2.5)mm hoặc kẽm C(250x65x2)mm, thép hộp 20x40x1.4mm, thép la 40mm.

- Ống lăn  $\varnothing 42$  mạ kẽm.

- Dây băng 3 lớp bố B600 dày 7mm.

- Motor công suất 5Hp 3 pha.

#### 2.2.7. Băng tải xuất lúa khô dài 16m

- Công suất 25 - 30 tấn/giờ.

- Khung thép xà gồ thép đen C(250x65x2.5)mm hoặc kẽm C(250x65x2)mm, thép hộp 20x40x1.4mm, thép la 40mm.

- Ống lăn  $\varnothing 42$  mạ kẽm. Dây băng 3 lớp bố B600 dày 7mm.

- Motor công suất 5Hp 3 pha.

#### 2.2.8. Phễu di động cắt lúa tươi (rùa cắt liệu)

- Khung phễu sử dụng thép đen dày 2,5mm chấn cạnh.

- Máng hứng lúa dùng tole đen dày 2mm.

- Motor giảm tốc có thắng công suất 1Hp 1/60 3 pha.

#### 2.2.9. Vít tải nhập xuất lúa trên bề mặt

- Chiều dài vít 10M, công suất 30 tấn/giờ.

- Cánh vít dày 3mm, đường kính  $\varnothing 400\text{mm}$ . Trụ vít ống  $\varnothing 114$ , Cáp  $\varnothing 12$ .

- Khung đỡ vít tải thép V7 làm khung chính, thanh giằng sử dụng thép V5.

- Thanh ray thép I150.

- Motor nâng hạ khung vít công suất 2Hp x 2.

- Motor chạy tới lui khung vít công suất 3Hp x 2.

- Motor chạy vít công suất 10Hp.

- Sử dụng motor mới.

*2.2.10. Cửa ra liệu, máng dẫn ra băng tải*

- Vách cửa sử dụng khung thép hộp kẽm, tole kẽm dày 1.2mm.
- Máng dẫn lúa dùng tole kẽm dày 1.2mm.

*2.2.11. Phễu nạp liệu tươi (phễu âm nền)*

- Phễu âm có kích thước D x R x S = 1,5M x 1,5M x 1,3M.
- Khung thép V5, V4, tole đen dày 2.5mm. Lọc rác thép la 3mm x 30mm.

*2.2.12. Gàu tải nhập lúa tươi cao 7m công suất 30 tấn/giờ*

- Đáy và đỉnh gàu tải dùng tole chân dày 2mm.
- Thân gàu dùng tole chân dày 1,5mm.
- Đầu liên kết khớp gàu tải dùng thép V4, chân đế dùng thép V5.
- Dây gàu tải dùng dây 3 lớp bố B500 dày 7mm.
- Gàu tải dùng gàu nhựa Bùi Văn Ngộ. Sàn thao tác.
- Motor công suất 5Hp 3 pha.

*2.2.13. Gàu tải xuất lúa khô cao 11m công suất 30 tấn/giờ*

- Đáy và đỉnh gàu tải dùng tole chân dày 2mm.
- Thân gàu dùng tole chân dày 1,5mm.
- Đầu liên kết khớp gàu tải dùng thép V4, chân đế dùng thép V5.
- Dây gàu tải dùng dây 3 lớp bố B500 dày 7mm.
- Gàu tải dùng gàu nhựa Bùi Văn Ngộ. Sàn thao tác.
- Motor công suất 7,5Hp 3 pha.

*2.2.14. Hút bụi gàu tải xuất lúa khô*

- Hút bụi dạng túi đôi công suất 5Hp.

*2.2.15. Băng tải cấp lúa khô vào thùng chứa dài 8m*

- Công suất 25 - 30 tấn/giờ.
- Khung thép xà gồ C (250x65x2.5)mm, thép hộp 20x40x1.4mm, thép la 40mm. Ống lăn ø42 mạ kẽm. Dây băng 3 lớp bố B600 dày 7mm.
- Thiết kế với 2 ngõ ra lúa khô.
- Motor công suất 5Hp 3 pha.

*2.2.16. Thùng chứa lúa khô sức chứa 30 tấn/thùng*

- Thùng chứa thể tích 60m<sup>3</sup>, kích thước vách thẳng (chưa tính phễu) DxRxH = 4M x 4M x 3M.
- Chân trụ và đà ngang dùng thép hộp 100x100 dày 3ly.
- Phễu thùng chứa sử dụng thép tấm dày 3 ly, gân la 6 phân dày 6 ly.

- Vách thùng chứa dùng tole đen 1,5ly.
- Thùng được sơn chống gỉ bên trong, bên ngoài sơn 2 lớp 1 lớp chống gỉ và 1 lớp sơn màu.

*2.2.17. Băng tải xuất lúa khô dưới thùng chứa dài 7m*

- Công suất 5 tấn/giờ.
- Khung băng tải sử dụng thép hộp kẽm. Ống lăn ø42 mạ kẽm.
- Dây băng 3 lớp bố B500 dày 5mm.
- Motor công suất 2Hp 3 pha.

*2.2.18. Gàu tải xuất lúa khô cao 7m từ thùng chứa qua máy làm sạch kèm hút bụi*

- Gàu tải chiều cao tổng 7m, âm nền 0,8m, cao so với nền 6,2m.
- Công suất tải 5 tấn/giờ.
- Motor công suất 3Hp 3 pha.
- Hút bụi dạng túi đơn công suất 2Hp 3 pha.

*2.2.19. Hệ thống điện cho thiết bị nhập xuất liệu*

- Thiết bị đóng cắt sử dụng LS (Hàn Quốc).
- Dây điện dùng dây CVV.

*2.2.20. Máy giê lúa*

- Sàng sơ bộ lúa NS 3.0 tấn/giờ.
- Gàu tải 4T/g cao 3,5m - 0,75kW - 3P 380V.
- Sàng 3T/g motor 1,5kW-3p 380V.
- Thùng rê.
- Quạt hút rê motor 2,2kW-3p 380V.
- Cyclone và đường ống 6m.
- KĐT hộp và 10m dây nguồn.

**3. Nhóm dự án: Nhóm C.**

**4. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 6.471.495.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu tỷ, bốn trăm bảy mươi một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

*Trong đó:*

- |                          |                     |
|--------------------------|---------------------|
| - Chi phí xây dựng:      | 2.956.476.000 đồng; |
| - Chi phí thiết bị:      | 2.496.650.000 đồng; |
| - Chi phí quản lý dự án: | 171.488.000 đồng;   |
| - Chi phí tư vấn ĐTXD:   | 410.527.000 đồng;   |
| - Chi phí khác:          | 125.911.000 đồng;   |
| - Chi phí dự phòng:      | 310.443.000 đồng.   |

**5. Nguồn vốn đầu tư và khả năng cân đối vốn:**

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách huyện hỗ trợ 50%/ 1 dự án nhưng không quá 3 tỷ đồng (kể cả vốn ngân sách tỉnh, Trung ương); phần còn lại ngân sách xã Phước Hưng, HTX nông nghiệp Phước Hưng và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Khả năng cân đối vốn: theo kế hoạch bố trí vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

**6. Địa điểm thực hiện dự án:** xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước.

**7. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2023 – 2024 (Triển khai công trình khi cân đối được nguồn vốn, kế hoạch vốn theo quy định).

**8. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn:** Công trình dân dụng.

**9. Hình thức đầu tư của dự án:** Theo Luật Đầu tư công.

**Điều 2.** UBND xã Phước Hưng chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch UBND xã Phước Hưng, Giám đốc Hợp tác xã Nông nghiệp Phước Hưng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Nam**